THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÁC PHẦN MỀM HỖ TRỢ DẠY HỌC TRỰC TUYẾN MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dương Trần Bình*, Huỳnh Thanh Danh**
Trường Tiểu học Chi Lăng, phường Thông Tây Hội, TPHCM
****Học viên Cao học Khóa 31, trường Đại học Vinh**

Tóm tắt: *Bài viết xem xét thực trạng sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt ở tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.*

Từ khóa: *thực trạng, phần mềm hỗ trợ, tiếng Việt*

THE CURRENT STATE OF USING SOFTWARE TOOLS TO SUPPORT ONLINE TEACHING OF VIETNAMESE IN PRIMARY SCHOOLS IN HO CHI MINH CITY

Abstract: *This article examines the current state of using software tools to support online teaching of Vietnamese in primary schools in Ho Chi Minh City.*

Keywords*: current state, support software, Vietnamese*

Nhận bài: 17/06/2026 *Phản biện: 17/07/2026* *Duyệt đăng: 20/07/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác giảng dạy là một xu hướng tất yếu của các ngành, các lĩnh vực. Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên của nền kinh tế tri thức, hàm lượng chất xám trong các sản phẩm công nghệ ngày càng cao do đó vai trò của CNTT càng được thể hiện rõ. Mặt khác, thời đại ngày nay đã và đang tác động không nhỏ tới nền giáo dục Việt Nam. Nền giáo dục Việt Nam đang đứng trước rất nhiều thời cơ và thách thức mới, trong đó có liên quan tới phát triển nguồn nhân lực, bởi lẽ nó sẽ quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Hoạt động dạy học trực tuyến (DHTT) đã và đang được áp dụng rộng rãi trong số đông các cơ sở đào tạo ở Việt Nam. Hoạt động này có thể được xem là một biểu hiện cụ thể của việc hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục Việt Nam trong đó đổi mới quản lý giáo dục (QLGD) là khâu then chốt. Đây là hoạt động không chỉ giúp người học có thể học mọi lúc, mọi nơi mà còn giúp người học tiếp cận tri thức nhanh hơn, hiệu quả hơn và đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của người học ngày càng đa dạng.

Sự phát triển của các hoạt động dạy học trực tuyến đã thúc đẩy con người tạo ra các phần mềm dạy học trực tuyến giúp cho việc "Học mọi nơi, học mọi lúc, học mọi thứ, học mềm dẻo, học một cách mở và học suốt đời" của con người trở thành hiện thực và là một xu hướng tất yếu có tính cách mạng đối với hoạt động dạy học.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu và sử dụng các phần mềm hỗ trợ việc dạy học trực tuyến đã hình thành và từng bước phát triển từ đầu thế kỷ 21 đến nay. Tuy nhiên, do các điều kiện về chính sách, nguồn lực của Chính phủ và địa phương, cơ hội của GV tiếp cận các phần mềm dạy học trực tuyến còn hạn chế... nên việc sử dụng hình thức dạy học này chưa phổ biến.

Vấn đề đặt ra là cần tìm ra phương pháp và hình thức hợp lý, có hiệu quả cao nhất để giúp học sinh lĩnh hội tri thức, tạo cơ hội cho học sinh chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập để hình thành và phát triển năng lực bản thân.

II. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÁC PHẦN MỀM HỖ TRỢ DẠY HỌC TRỰC TUYẾN MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

2.1. Thực trạng nhận thức/sử dụng của giáo viên về hình thức dạy học trực tiếp và hình thức dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt ở tiểu học

a. Nhận thức của giáo viên về dạy học trực tuyến

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên có nhận thức tương đối đầy đủ và thống nhất về bản chất của dạy học trực tuyến.

Bảng 2.1. Nhận thức của giáo viên về dạy học trực tuyến

Nội dung	Rất cần thiết (%)	Cần thiết (%)	Bình thường (%)	Ít cần thiết(%)	Không cần thiết (%)
Dạy học dựa trên nền tảng công nghệ, Internet và vẫn đảm bảo đầy đủ các thành tố của quá trình dạy học	52,3	25,0	22,7	0	0
Dạy học thông qua các nền tảng trực tuyến có âm thanh, hình ảnh và thiết bị thông minh	46,6	25,0	28,4	0	0
Học tập từ xa thông qua máy tính hoặc thiết bị kết nối Internet	48,8	27,9	23,3	0	0

Kết quả cho thấy trên 75% giáo viên đánh giá cao các quan niệm về dạy học trực tuyến. Đặc biệt, có 52,3% giáo viên cho rằng dạy học trực tuyến không chỉ đơn thuần là việc truyền tải nội dung qua Internet mà còn phải đảm bảo đầy đủ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và kiểm tra đánh giá như trong dạy học trực tiếp.

Điều này phản ánh đội ngũ giáo viên đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức về chuyển đổi số giáo dục. Giáo viên không xem dạy học trực tuyến là giải pháp tình thế mà đã nhìn nhận đây là một hình thức tổ chức dạy học có tính hệ thống, có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho quá trình giáo dục.

b. Đánh giá của giáo viên về mức độ phù hợp của các phương pháp dạy học trong môi trường trực tuyến

Bảng 2.2. Đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp dạy học trực tuyến

Phương pháp	Rất tốt (%)	Tốt (%)	Bình thường (%)	Không tốt lắm(%)	Không tốt (%)
Vấn đáp	45,3	25,6	29,1	0	0
Giải quyết vấn đề	52,3	24,4	23,3	0	0
Trò chơi	53,5	23,3	23,2	0	0
Dự án	47,7	25,6	26,7	0	0
Thảo luận nhóm	48,8	27,9	23,3	0	0
Động não	51,2	25,6	23,2	0	0
Kiểm tra đánh giá	44,2	30,2	25,6	0	0

Trong số các phương pháp được khảo sát, phương pháp trò chơi nhận được sự đánh giá tích cực cao nhất với 53,5% giáo viên lựa chọn mức "rất tốt". Tiếp theo là phương pháp giải quyết vấn đề (52,3%) và phương pháp động não (51,2%).

Kết quả này cho thấy giáo viên nhận thức rõ vai trò của các phương pháp dạy học tích cực trong việc tăng cường sự tham gia của học sinh trong môi trường học tập trực tuyến. Đặc biệt đối với môn Tiếng Việt ở tiểu học, việc kết hợp các trò chơi học tập, hoạt động động não và giải quyết vấn đề giúp duy trì hứng thú học tập, hạn chế tình trạng học sinh mất tập trung khi học trực tuyến.

2.2. Thực trạng nền tảng và hạ tầng tổ chức dạy học trực tuyến

Kết quả khảo sát và làm việc với bộ phận chuyên môn của hai nhà trường cho thấy việc tổ chức dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt hiện được thực hiện trên ba nền tảng, tương ứng với ba lớp chức năng của một hệ thống dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT.

Bảng 2.3. Mức độ sử dụng các nền tảng trong dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt

Nền tảng	Chức năng chính	Rất thường xuyên (%)	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Không sử dụng (%)
Google Meet	Tổ chức giờ học trực tuyến trực tiếp	65,1	27,9	2,0	5,0
Google Classroom	Giao và thu bài, lưu hồ sơ học tập	43,0	36,0	17,4	3,6
hoctructuyen.hcm.edu.vn	Kho bài giảng, kiểm tra trực tuyến của ngành	25,6	31,4	30,2	12,8
Zalo nhóm lớp	Liên lạc với phụ huynh, gửi thông báo	81,4	15,1	3,5	0
Nền tảng khác (Zoom, MS Teams…)	Tổ chức giờ học trực tuyến trực tiếp	5,8	10,5	24,4	59,3

Thứ nhất, Google Meet là nền tảng tổ chức giờ học trực tuyến trực tiếp phổ biến nhất, được sử dụng ở mức thường xuyên và rất thường xuyên bởi phần lớn giáo viên. Lí do là nền tảng này miễn phí trong tài khoản giáo dục, không giới hạn thời lượng, thao tác tham gia đơn giản đối với học sinh tiểu học và tích hợp sẵn với Google Classroom.

Thứ hai, mức độ khai thác Google Classroom thấp hơn đáng kể so với Google Meet. Điều này phản ánh một thực tế: giáo viên chủ yếu quan niệm dạy học trực tuyến là "dạy trực tiếp qua màn hình", trong khi khâu giao nhiệm vụ trước và sau giờ học – vốn là chỗ để rèn kĩ năng viết và kĩ năng tự học của môn Tiếng Việt – lại chưa được tổ chức bài bản trên hệ thống quản lí học tập.

Thứ ba, hệ thống học và thi trực tuyến của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố được sử dụng chủ yếu vào các đợt kiểm tra định kì, còn kho bài giảng của hệ thống chưa được giáo viên khai thác thường xuyên trong dạy học hằng ngày. Đây là một nguồn lực sẵn có nhưng đang bị bỏ trống, và cũng là một hướng để biện pháp 1 ở chương 3 tác động.

2.3. Thực trạng sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt ở tiểu học

Có tới 88,4% giáo viên cho biết thường xuyên hoặc rất thường xuyên sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong quá trình dạy học trực tuyến. Điều này chứng tỏ phần mềm dạy học đã trở thành một thành tố quan trọng trong hoạt động dạy học trực tuyến ở tiểu học.

Tuy nhiên, vẫn còn 11,6% giáo viên chỉ sử dụng phần mềm ở mức thỉnh thoảng. Nguyên nhân có thể xuất phát từ hạn chế về kỹ năng công nghệ thông tin, điều kiện cơ sở vật chất hoặc thời gian thiết kế học liệu số.

a. Thực trạng sử dụng phần mềm trong các hoạt động học tập trực tuyến môn Tiếng Việt

Phần mềm được sử dụng ở hầu hết các giai đoạn dạy học. Trong bốn hoạt động, thực hành được đánh giá hiệu quả cao nhất (76,7%), cho thấy các công cụ như Quizizz, Wordwall, Liveworksheets và Blooket phù hợp với luyện tập, củng cố kiến thức. Khám phá cũng được đánh giá cao, với 75,6% giáo viên lựa chọn mức "rất tốt", nhờ khả năng tăng tính tương tác và hỗ trợ học sinh chủ động hình thành kiến thức.

b. Đánh giá của giáo viên về hiệu quả sử dụng phần mềm hỗ trợ

Khảo sát 105 giáo viên cho thấy tỷ lệ đánh giá mức "rất tốt" đối với các tác động của phần mềm đều trên 68%. Trong đó, hình thành thái độ, tình cảm đạt cao nhất (76,7%); phát triển kĩ năng đạt 75,6%, bao gồm kĩ năng ngôn ngữ, công nghệ thông tin, giao tiếp, hợp tác và tự học; phát triển năng lực đạt 70,9%, phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của Chương trình GDPT 2018.

c. Đánh giá hiệu quả của phần mềm đối với tổ chức dạy học trực tuyến

Phần mềm hỗ trợ tích cực cho việc đổi mới tổ chức dạy học. 75,6% giáo viên cho rằng phần mềm giúp học sinh ghi nhớ kiến thức lâu hơn; 73,3% nhận định phần mềm kích thích học sinh suy nghĩ và tham gia tích cực vào nhiệm vụ học tập. Các yếu tố hình ảnh, âm thanh, trò chơi và phản hồi tức thời góp phần tăng hứng thú và tương tác trong học tập.

d. Khó khăn của giáo viên khi sử dụng phần mềm hỗ trợ

Khó khăn lớn nhất là ít thời gian nghiên cứu

phần mềm mới, khiến 74,4% giáo viên chủ yếu sử dụng các công cụ quen thuộc. Tiếp theo, 73,3% gặp khó khăn trong lựa chọn phần mềm phù hợp với mục tiêu bài học và kiểm soát mức độ tham gia của học sinh; 72,1% còn hạn chế về kĩ năng sử dụng phần mềm đáp ứng mục tiêu dạy học. Bên cạnh đó, việc thiết kế học liệu số, câu hỏi tương tác, trò chơi và quản lí lớp học trực tuyến đòi hỏi nhiều thời gian, công sức hơn so với dạy học truyền thống.

e. Nhu cầu hỗ trợ của giáo viên trong việc sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên có nhu cầu rất lớn về việc được hỗ trợ trong quá trình ứng dụng công nghệ vào dạy học.

Kết quả cho thấy nhu cầu xây dựng ngân hàng học liệu số đạt tỷ lệ cao nhất với 74,4% giáo viên lựa chọn mức "rất đồng ý". Điều này phản ánh mong muốn có nguồn học liệu dùng chung nhằm giảm áp lực thiết kế bài giảng.

Bên cạnh đó, nhu cầu được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng phần mềm cũng rất cao. Điều này khẳng định rằng việc nâng cao năng lực số cho giáo viên là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

g. Thực trạng sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong dạy học trực tuyến môn Tiếng Việt

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên đã sử dụng khá đa dạng các phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến. Baamboozle, Mentimeter, ClassPoint, Blooket và Google Form được đánh giá cao nhất, với tỷ lệ giáo viên cho rằng "rất cần thiết" dao động 72%–76%.

Về tần suất sử dụng, Baamboozle cao nhất với 77,9% giáo viên lựa chọn "rất thường xuyên", tiếp đến là Mentimeter (76,7%), ClassPoint (75,6%), Blooket và Google Form (74,4%). Giáo viên ưu tiên các phần mềm có giao diện thân thiện, dễ thao tác, hỗ trợ trò chơi, tương tác và kiểm tra trực tuyến. Quizizz, Kahoot!, Wordwall chủ yếu phục vụ luyện tập, củng cố và kiểm tra nhanh; Google Form được dùng để giao bài, kiểm tra định kì và thu thập dữ liệu học tập.

Đáng chú ý, các phần mềm được sử dụng nhiều chủ yếu thuộc nhóm trò chơi hóa và trắc nghiệm khách quan, phù hợp với củng cố kiến thức và một phần đọc hiểu. Trong khi đó, mạch viết (khoảng 25% thời lượng) và mạch nói và nghe (khoảng 10%) gần như chưa có phần mềm chuyên biệt được sử dụng thường xuyên. Như vậy, ứng dụng phần mềm hiện tập trung vào những nội dung dễ số hóa, trong khi các kĩ năng đặc trưng và khó số hóa hơn của môn Tiếng Việt vẫn còn bỏ ngỏ.

2.4. Thực trạng xây dựng và khai thác sản phẩm, học liệu số môn Tiếng Việt

Bên cạnh phiếu hỏi, tác giả thu thập và phân tích các sản phẩm dạy học môn Tiếng Việt do giáo viên hai trường xây dựng trong năm học 2025–2026, gồm kế hoạch bài dạy có ứng dụng phần mềm, bài giảng điện tử, bộ câu hỏi, trò chơi học tập, phiếu học tập tương tác và đề kiểm tra trực tuyến.

Kết quả cho thấy ba đặc điểm chính. Thứ nhất, học liệu còn rời rạc, gắn với cá nhân giáo viên, chưa có kho học liệu số dùng chung theo chủ điểm và khối lớp. Thứ hai, sản phẩm tập trung chủ yếu vào câu hỏi trắc nghiệm và trò chơi, trong khi học liệu phục vụ viết, nói và nghe còn ít. Thứ ba, phần lớn sản phẩm chưa được thẩm định chuyên môn trước khi sử dụng; vẫn tồn tại lỗi chính tả, ngữ liệu chưa phù hợp lứa tuổi và câu hỏi chưa bám sát yêu cầu cần đạt.

2.5. Thực trạng các điều kiện bảo đảm cho việc ứng dụng phần mềm

Các điều kiện bảo đảm cho ứng dụng phần mềm còn thiếu đồng bộ ở bốn phương diện.

Về hạ tầng, thiết bị: Hai trường có Internet ổn định và thiết bị trình chiếu, nhưng thiết bị phía học sinh không đồng đều; một số em phải dùng chung điện thoại với cha mẹ, một số gia đình chưa có Internet ổn định, gây khó khăn khi sử dụng phần mềm có thao tác phức tạp hoặc yêu cầu phản hồi tức thời.

Về năng lực số: 72,1% giáo viên tự nhận còn hạn chế về kĩ năng sử dụng phần mềm đáp ứng mục tiêu dạy học; 74,4% chủ yếu sử dụng phần mềm quen thuộc do thiếu thời gian tìm hiểu công cụ mới. Tập huấn công nghệ thông tin còn chung cho các môn, chưa gắn với đặc trưng môn Tiếng Việt.

Về tổ chức, quản lí: Nhà trường chưa có quy định thống nhất về lựa chọn, thẩm định và lưu trữ học liệu số; sinh hoạt chuyên môn chưa gắn với thiết kế bài dạy trực tuyến. Đáng chú ý, 74,4% giáo viên rất đồng ý với nhu cầu xây dựng ngân hàng học liệu số dùng chung, cao nhất trong các nhu cầu được khảo sát.

Về phối hợp gia đình: Học sinh nhỏ tuổi cần người lớn hỗ trợ khi sử dụng phần mềm, trong khi hướng dẫn phụ huynh chủ yếu qua nhóm Zalo, chưa có tài liệu hướng dẫn trực quan và hệ thống cho từng nền tảng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG

3.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, nhận thức của giáo viên về dạy học trực tuyến có chuyển biến tích cực; đa số đã xem đây là một hình thức dạy học cần bảo đảm đầy đủ mục tiêu, nội dung, phương pháp và kiểm tra đánh giá.

Thứ hai, việc sử dụng phần mềm hỗ trợ đã trở thành hoạt động thường xuyên, với 88,4% giáo viên sử dụng ở mức thường xuyên trở lên. Hai trường đã hình thành nền nếp dạy học trực tuyến trên Google Meet, Google Classroom và hệ thống của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

Thứ ba, giáo viên đánh giá cao hiệu quả của phần mềm trong tạo hứng thú và tăng tương tác, nhất là ở hoạt động luyện tập, thực hành; bước đầu hình thành năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động học tập trên môi trường số.

3.2. Những hạn chế, khó khăn

Thứ nhất, việc sử dụng phần mềm còn thiên về trò chơi hóa và trắc nghiệm, trong khi các kĩ năng viết, nói và nghe chưa có công cụ hỗ trợ tương xứng.

Thứ hai, việc lựa chọn phần mềm chưa gắn chặt với mục tiêu và yêu cầu cần đạt; 73,3% giáo viên gặp khó khăn ở khâu này.

Thứ ba, kho học liệu số chưa được xây dựng và hệ thống hóa; học liệu còn phân tán, chưa được thẩm định, khiến giáo viên phải thiết kế lại nhiều nội dung tương tự.

Thứ tư, mức độ khai thác phần mềm không đồng đều; một bộ phận giáo viên, chủ yếu là giáo viên lớn tuổi, mới dừng ở trình chiếu, chưa tổ chức tốt hoạt động tương tác.

Thứ năm, hệ thống học và thi trực tuyến của ngành chưa được khai thác hiệu quả trong dạy học thường ngày, dù có kho bài giảng đã được thẩm định.

3.3. Nguyên nhân của thực trạng

Thứ nhất, năng lực và điều kiện làm việc của giáo viên còn hạn chế; bồi dưỡng công nghệ thông tin chưa gắn với đặc thù môn học, trong khi thiết kế hoạt động tương tác đòi hỏi nhiều thời gian.

Thứ hai, hạ tầng và thiết bị của học sinh không đồng đều, khiến giáo viên ưu tiên các phần mềm đơn giản, quen thuộc và ít rủi ro kĩ thuật.

Thứ ba, công tác quản lí và tổ chức chuyên môn chưa có cơ chế thống nhất về xây dựng, thẩm định, lưu trữ học liệu số và tổ chức sinh hoạt chuyên môn về dạy học trực tuyến. Do đó, sản phẩm cá nhân chưa được tích lũy thành nguồn học liệu chung.

Ba nhóm nguyên nhân trên là cơ sở để xây dựng hệ thống biện pháp ở Chương 3, tập trung vào kho học liệu, tổ chức hoạt động dạy học và điều kiện hạ tầng, thiết bị.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả cho thấy giáo viên đã nhận thức đúng vai trò của phần mềm hỗ trợ và đã tổ chức được dạy học trực tuyến trên nền tảng Google Meet kết hợp Google Classroom và hệ thống học – thi trực tuyến của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố. Tuy nhiên, mức độ khai thác còn nông: phần lớn dừng ở nhóm phần mềm trò chơi hoá và trắc nghiệm, mạch kĩ năng viết và mạch nói – nghe gần như bị bỏ ngỏ; kho học liệu số của tổ chuyên môn chưa hình thành; việc lựa chọn phần mềm chưa gắn chặt với yêu cầu cần đạt của bài học.

Ba nhóm nguyên nhân được xác định: năng lực số của giáo viên chưa đồng đều và thiếu bồi dưỡng theo môn; điều kiện thiết bị của học sinh không đồng nhất; nhà trường chưa có cơ chế xây dựng, thẩm định và lưu trữ học liệu số. Đây là căn cứ trực tiếp để đề xuất biện pháp khắc phục các hạn chế tren của thực trạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông – cấp Tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư Quy định quản lí tổ chức dạy học trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Văn bản 1061/BGDĐT-GDTrH – hướng dẫn tổ chức dạy học qua Internet và truyền hình; nêu các yêu cầu cơ sở hạ tầng và LMS, Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT), Hà Nội.

Nguyễn Thị Hoài Dung, Lê Thị Thắm, Nguyễn Thị Thu Hà (2026), "Các biện pháp nâng cao năng lực số cho giáo viên tiểu học thông qua ứng dụng AI và trò chơi số hóa trong dạy học môn Tiếng Việt", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế "Đào tạo giáo viên tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số" (Phần 1), NXB Đại học Vinh, tr. 122-134.

Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn (2011), Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường tương tác, NXB Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Thanh Huyền, Kiều Phương Thuỳ, Đặng Xuân Thọ, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Trung Khánh, Trần Thị Thu Bình, Vũ Lê Xuân Sơn (2021), Tài liệu tập huấn "Kỹ năng CNTT trong dạy học trực tuyến và dạy học qua truyền hình" (Dành cho giáo viên Tiểu học), Hà Nội.

Đào Thái Lai (2007), Ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam, Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục Việt Nam.

Phan Thị Bích Lợi (2021), "Đề xuất quy trình thiết kế dạy học trực tuyến", Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Số 42 (Tháng 6/2021).

Trịnh Văn Sỹ (2026), "Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học nói và nghe nhằm gia tăng hứng thú học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 5", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế "Đào tạo giáo viên tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số" (Phần 2), NXB Đại học Vinh, tr. 475-489.

Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định 749/QĐ-TTg về phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", Hà Nội.